

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/DS-ST
Ngày: 24-8-2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiên Phương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Còn
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Mãi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2022/TLST-DS, ngày 21 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị Mộng Th, sinh năm 1978;

1.2. Ông Liên H, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: Số 171, ấp H, xã N, huyện T, tỉnh Long An. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Phạm Minh Ng, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 497, ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Long An. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/6/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Liên H và bà Nguyễn Thị Mộng Th thống nhất trình bày yêu cầu khởi kiện như sau: Do quen biết nhau, vào khoảng năm 2018, ông Phạm Minh Ng có đề nghị vợ chồng ông bà cho vay số tiền 31.350.000 đồng, để đặt cọc tiền mua tôm cho người khác và tiêu xài cá nhân, hứa sẽ trả vào sáng hôm sau, không tính lãi suất. Do tin tưởng ông Ng nên hai bên không làm giấy tờ gì. Sau đó, ông Ng không trả tiền cho vợ chồng ông bà theo thỏa thuận. Ông bà có liên hệ qua điện thoại yêu cầu ông Ng trả số tiền trên nhưng ông Ng chỉ hứa hẹn mà không trả. Do ông Ng còn sống chung với gia đình nên vợ chồng ông bà không thể đến nhà nơi ông Ng đang sinh sống để yêu cầu trả nợ, vì số nợ này là của cá nhân ông Ng.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, vợ chồng bà có yêu cầu ông Ng viết giấy tay mượn tiền để đảm bảo cho ông Ng trả tiền cho vợ chồng bà sau này. Giấy mượn tiền thể hiện nội dung ông Ng nợ vợ chồng bà số tiền 31.350.000 đồng. Giấy mượn tiền là do vợ chồng bà viết, ông Ng có ký tên xác nhận mượn số tiền 31.350.000 đồng. Ngoài ra, ông Ng còn viết thêm là mỗi tháng vào ngày 15 tây ông Ng sẽ trả 5.000.000 đồng; riêng tháng đầu tiên sẽ trả 10.000.000 đồng nếu không trả như đồngã hứa thì sẽ trả tiền lãi hàng tháng nhưng từ thời điểm làm giấy mượn tiền đến nay ông Ng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như đã cam kết. Do đó, ông, bà khởi kiện yêu cầu ông Phạm Minh Ng phải trả cho vợ chồng ông, bà số tiền nợ vay là 31.350.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Ngoài ra, các giấy mượn tiền ngày 16/11/2019, ngày 18/3/2021 do ông Ng cung cấp cho Tòa án bản in là do ông Ng tự ghi và viết để hứa hẹn thời gian trả tiền cho vợ chồng bà chứ không phải là khoản vay khác. Hiện tại vợ chồng ông bà không có giữ bản chính các giấy mượn tiền ngày 16/11/2019, ngày 18/3/2021, chỉ giữa bản chính giấy mượn tiền ngày 30/12/2021 và đang khởi kiện tại Tòa án theo giấy mượn tiền ngày 30/12/2021.

*** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Phạm Minh Ng trình bày:** Vào năm 2018, ông có vay tiền của vợ chồng ông Liên H, bà Nguyễn Thị Mộng Th số tiền 6.000.000 đồng, mức lãi 10% tháng (1.000.000 đồng trả tiền lãi mỗi tháng 100.000 đồng). Khi vay số tiền 6.000.000 đồng, ông có viết giấy nợ cho vợ chồng bà Th, ông Liên H và giao giấy nợ này cho vợ chồng bà Th, hiện tại ông không còn giữ giấy nợ này. Đến ngày 16/11/2019 ông đã trả tiền lãi cho bà Th khoảng 10 tháng, với số tiền lãi là 6.000.000 đồng và còn nợ lại tiền lãi 7,5 tháng, với số tiền 4.500.000 đồng. Cùng ngày 16/11/2019

bà Th yêu cầu ông viết thêm một giấy nhận nợ, nợ bà Th số tiền 10.500.000 đồng (gồm 6.000.000 đồng tiền gốc và 4.500.000 đồng tiền lãi); Hai bên thỏa thuận mỗi tháng ông phải trả cho bà Th 1.000.000 đồng tiền lãi trên số tiền 10.500.000 đồng, ông trả được 10 tháng tiền lãi cho bà Th, với số tiền 10.000.000 đồng.

Đến ngày 18/3/2021, bà Th còn nói ông nợ lại 06 tháng tiền lãi, với số tiền 6.000.000 đồng. Bà Th buộc ông phải làm giấy nhận nợ 16.500.000 đồng (gồm 10.500.000 đồng tiền gốc nợ ngày 16/11/2019 và 6.000.000 đồng tiền lãi). Bà Th nói mỗi tháng ông phải trả tiền lãi cho bà Th 1.650.000 đồng trên số tiền 16.500.000 đồng nhưng ông không có nói gì và ông cũng không có trả tiền lãi cho bà Th. Qua 09 tháng dịch bệnh đến ngày 30/12/2021 bà Th đến chỗ làm việc của ông buộc ông phải qua nhà bà Th ký vào giấy mượn tiền do bà Th lập với số tiền nợ do bà Th tự ghi là 31.350.000 đồng và yêu cầu ông phải trả mỗi tháng 5.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, tháng đầu tiên bà Th yêu cầu ông trả 10.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi nếu không thì sẽ tiếp tục tính tiền lãi. Do không có khả năng trả nợ nên đến nay ông không trả thêm bà Th khoản tiền nào. Do dịch bệnh kéo dài và bà Th tính lãi suất cao. Ông có nhờ chính quyền địa phương Công an xã Nhựt Ninh giải quyết ghi nhận sự việc ông không có khả năng trả số tiền 31.350.000 đồng nhưng không có lập biên bản gì, cũng không có mời các bên lên làm việc. Sau đó, bà Th khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu ông trả số tiền nợ trên.

Giấy mượn tiền ngày 30/12/2021 chữ ký trong giấy mượn tiền là do ông ký tên dòng chữ “Tôi tên ... Phạm Minh Ng có mượn của bà Nguyễn Thị Mộng Th số tiền 31.350.000 đồng” là do bà Th tự ghi thể hiện ông còn nợ bà Th 31.350.000 đồng. Còn dòng chữ “ Mỗi tháng trả 5.000.000 đồng (15 tây hàng tháng, tháng đầu trả 10.000.000 đồng)..... “ là do ông viết.

Nay bà Nguyễn Thị Mộng Th, ông Liên H yêu cầu ông trả số tiền nợ vay 31.350.000 đồng. Ông không đồng ý, chỉ đồng ý trả số tiền vốn gốc 6.000.000 đồng mà ông đã mượn vào năm 2018, vì ông đã trả cho bà Th số tiền lãi cao gấp mấy lần số tiền vốn mà ông đã mượn. Bà Th tính tiền lãi trên số tiền vốn gốc 6.000.000 đồng ban đầu cho đến thời đồnggiảm hiện tại.

Các giấy mượn tiền ngày 16/11/2019, ngày 18/3/2021, ngày 30/12/2021 bản chính vợ chồng bà Th đang giữ. Sau đó, bà Th gửi qua cho người thân ông.

Hiện tại, ông xác định là không cung cấp được các giấy nợ nêu trên vì ông không có giữ. Ông chỉ có thể in ra từ zalo.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật và tiến hành H giải nội dung vụ án giữa các đương sự nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ và các tài liệu, chứng cứ do các đương cung cấp, Tòa án thu thập, lời trình của các đương tại phiên tòa thì bị đơn không chứng minh được có việc vay mượn số tiền 6.000.000 đồng, không chứng minh được có việc trả tiền lãi, không chứng minh được có sự việc cộng tiền gốc và tiền lãi thành số tiền vay mới như là các giấy mượn tiền ngày 16/11/2019, ngày 18/3/2021 do bị đơn cung cấp. Mặt khác, các giấy mượn tiền ngày 16/11/2019, ngày 18/3/2021 cũng chỉ là bản in photo. Nguyên đơn cũng không thừa nhận có việc cho bị đơn vay số tiền 6.000.000 đồng, xác định không có còn lưu giữ bản chính giấy mượn tiền ngày 16/11/2019, ngày 18/3/2021 và 02 giấy mượn tiền này không phải tiền nợ vay mà bị đơn ghi để hứa trả nợ cho số tiền vay 31.350.000 đồng nhưng không thực hiện. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Mộng Th và ông Liên H khởi kiện yêu cầu ông Phạm Minh Ng có nghĩa vụ trả tiền nợ vay Giấy mượn tiền ngày 30/12/2021. Ông Ng đang cư trú tại ấp L, xã R, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung của vụ án và yêu cầu của nguyên đơn:

[2] Bà Th, ông H khởi kiện yêu cầu ông Ng trả số tiền vay còn nợ là 31.350.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 30/12/2021. Ngược lại, ông Ng chỉ thừa nhận còn nợ của bà Th, ông H số tiền nợ vay là 6.000.000 đồng và đồng ý

trả số tiền nợ vay 6.000.000 đồng này. Ông Ng không đồng ý trả số tiền 31.350.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 30/12/2021 vì trong số tiền này bà Th, ông H đã tính gốc và lãi vào nên mới ra số tiền nợ vay 31.350.000 đồng.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn thừa nhận có nhân bản chụp các giấy mượn tiền 16/11/2019, ngày 18/3/2021 và ngày 30/12/2021 cho bị đơn để báo cho bị đơn số tiền nợ. Nguyên đơn xác định các giấy mượn tiền 16/11/2019, ngày 18/3/2021 không phải là tiền nợ vay khác mà chính là bị đơn viết để hứa hẹn trả nợ cho số tiền 31.350.000 đồng nhưng không thực hiện trả và hiện tại cũng không có giữ bản chính các giấy mượn tiền này. Ngược lại, bị đơn xác định các giấy mượn tiền 16/11/2019, ngày 18/3/2021 và ngày 30/12/2021 là các giấy nợ cộng dồn gốc và lãi như bị đơn đã trình bày. Ngoài ra, các đương sự xác định tin nhắn zalo giữa các bên không có nội dung nào khác.

[4] Xét giấy mượn tiền ngày 30/12/2021, ông Ng thừa nhận chữ ký, ký trong giấy mượn tiền ngày 30/12/2021 chính là chữ ký của ông Ng. Còn dòng chữ “Mỗi tháng trả 5.000.000 đồng (15 tây hàng tháng), tháng đầu trả 10.000.000 đồng) (Ngày 15 tây tháng 1 năm 2022) nếu tôi hứa mà tôi không thực hiện thì sẽ tính lãi hàng tháng” là do chữ viết của ông Ng do chính ông Ng viết vào giấy mượn tiền ngày 30/12/2021. Ông Ng cho rằng 31.350.000 đồng là gồm gốc và lãi nhưng ông Ng lại không có chứng cứ nào chứng minh có việc trả tiền lãi, có việc nhập tiền lãi vào nợ gốc các lần như là ông Ng trình bày. Bà Th, ông H cũng không thừa nhận có việc cho ông Ng vay số tiền 6.000.000 đồng, không có việc ông Ng trả lãi và nhập lãi vào gốc cho vợ chồng bà Th, ông H như ông Ng trình bày. Ông Ng cung cấp giấy mượn tiền ngày 16/11/2019, ngày 18/3/2021 bản photo, xác định không cung cấp được bản chính. Ngược lại, vợ chồng bà Th, ông H cũng không thừa nhận giấy mượn tiền ngày 30/12/2021, ngày 18/3/2021 không phải là tiền vay mà là những lần ông Ng ký nhận theo giấy mượn tiền ngày 16/11/2019, ngày 18/3/2021 là chỉ để hứa trả nợ cho khoản nợ 31.350.000 đồng nhưng ông Ng không trả. Do đó, không có cơ sở chứng minh có việc ông Ng vay mượn tiền 6.000.000 đồng từ bà Th, ông H và có việc cộng dồn tiền lãi vào tiền nợ gốc thành số tiền 31.350.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 30/12/2021 như ông Ng trình bày.

[5] Từ những phân tích đoạn [2], [3] và [4], thấy rằng, ông Ng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo giấy nợ lập ngày 30/12/2021 nên bà Th, ông H khởi kiện yêu cầu ông Ng phải trả số tiền vay còn nợ là 31.350.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông Ng có nghĩa vụ trả cho bà Th, ông H tổng cộng số

tiền vay còn nợ là 31.350.000 đồng.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Buộc ông Ng phải chịu 1.567.500 đồng (Một triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của ông H, bà Th được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông H, bà Th.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mộng Th, ông Liên H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông Phạm Minh Ng.

Buộc ông Phạm Minh Ng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mộng Th, ông Liên H số tiền vay còn nợ là 31.350.000 đồng (Ba mươi một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1 Buộc ông Phạm Minh Ng phải chịu 1.567.500 đồng (Một triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

3.2 Bà Nguyễn Thị Mộng Th, ông Liên H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 818.235 đồng (Tám trăm mười tám nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng) cho bà Nguyễn Thị Mộng Th, ông Liên H theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007418 ngày 21/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đồnggược thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đồnggương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Tiền Phương